CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa

Ngày 31/03/2025	10,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.9%	**-7.0%**	**-7.8%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 12,082
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
Số lượng CPLH (CP)	11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65
Sở hữu nước ngoài	6.2%
Beta	
EPS	389
P/E	27.5

DT thuần
Q1/25
321
tỷ VNĐ
QoQ: ▼132| -29.2%
YoY: ▲ 44.0| 15.8%

LN thuần
Q1/25
-22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.10| -55.5%
YoY: ▼3.70| -19.5%

LN sau thuế
Q1/25
-7.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.47| -386%
YoY: ▲ 0.63| 8.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-2.2%
YoY: +/-▼ 3.0%

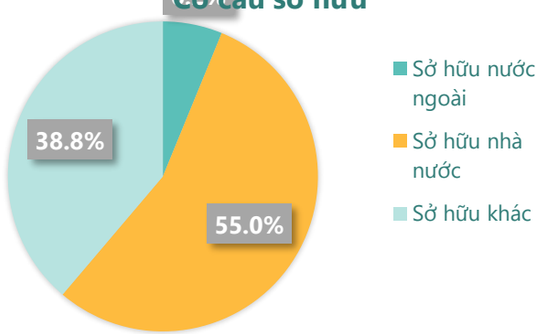
ROE (TTM)
Q1/25
3.2%
YoY: +/-▲ 0.6%

DT thuần
2024
1,625
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 121| 8.0%

LN thuần
2024
-58.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -13.4%

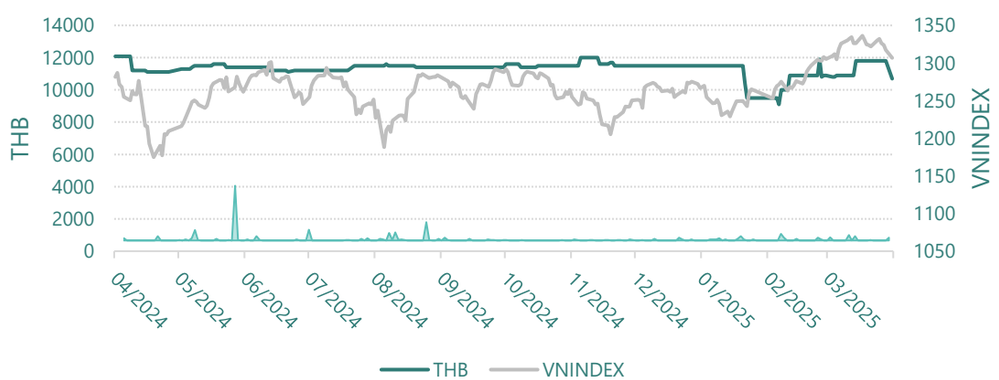
LN sau thuế
2024
3.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.24| -24.5%

Cơ cấu sở hữu

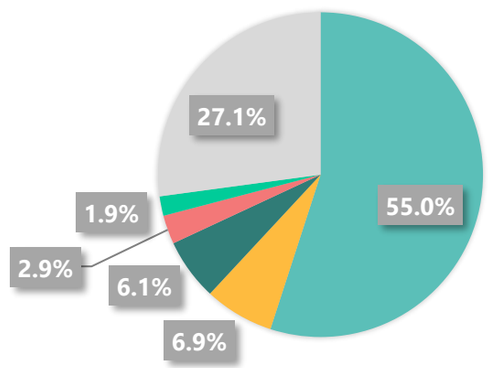


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

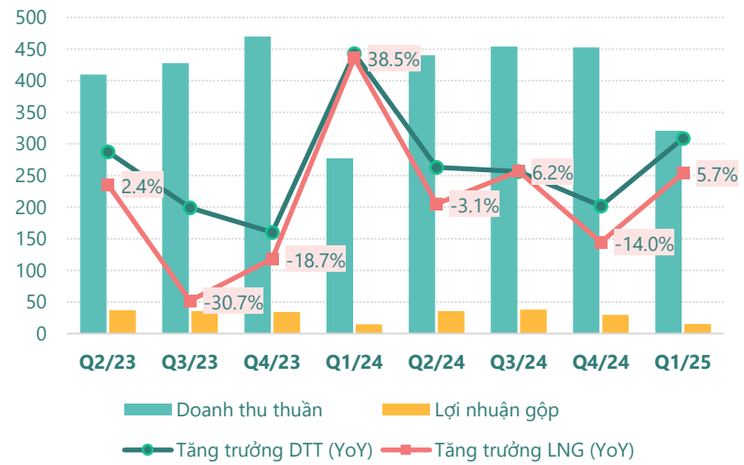


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải khát Hà Nội
- Lê Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Lương Xuân Dũng (Thành viên HĐQT)
- Chen Juen Yi
- Aizawa Securities Co., Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

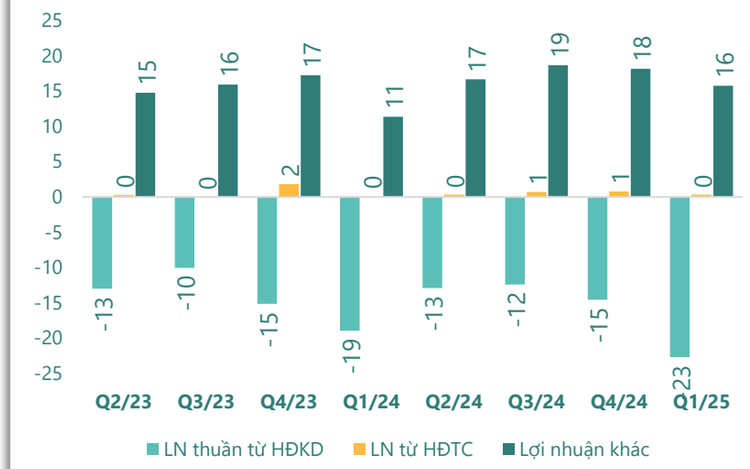
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



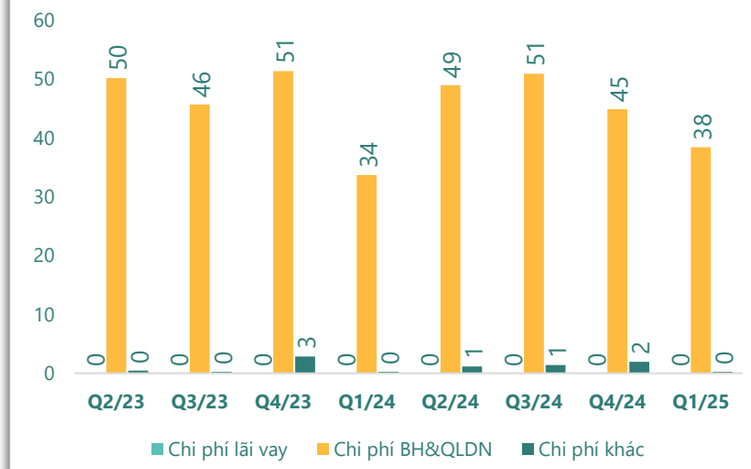
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



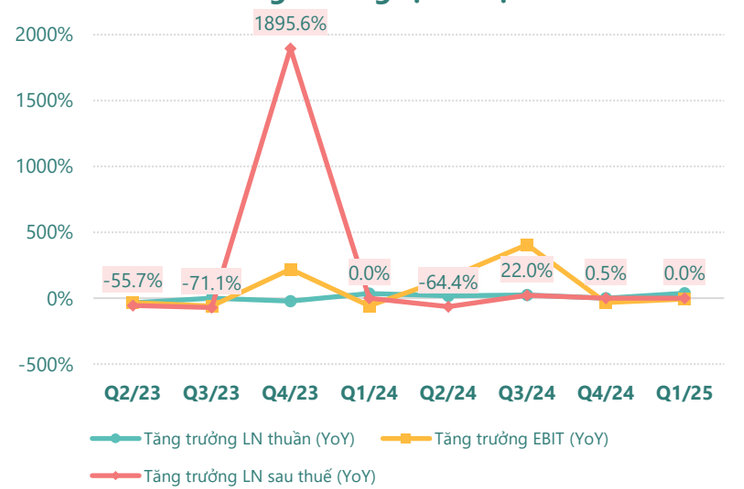
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



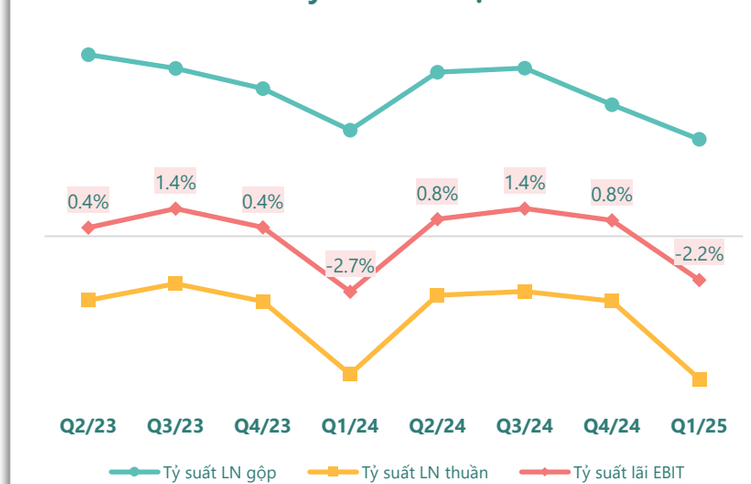
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



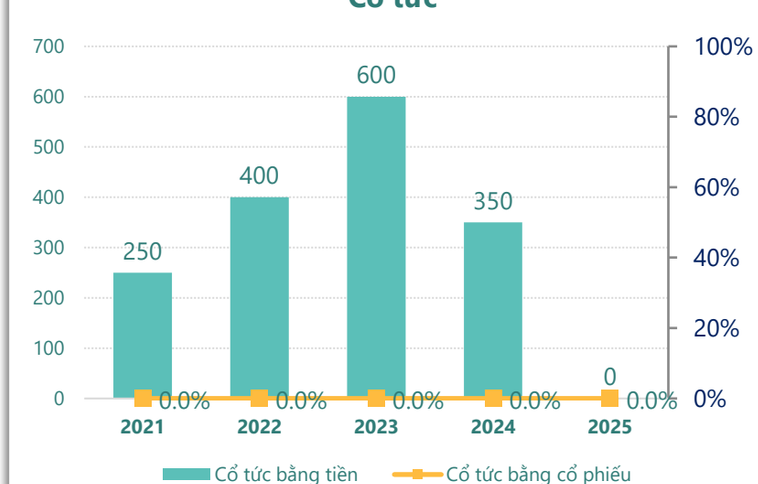
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

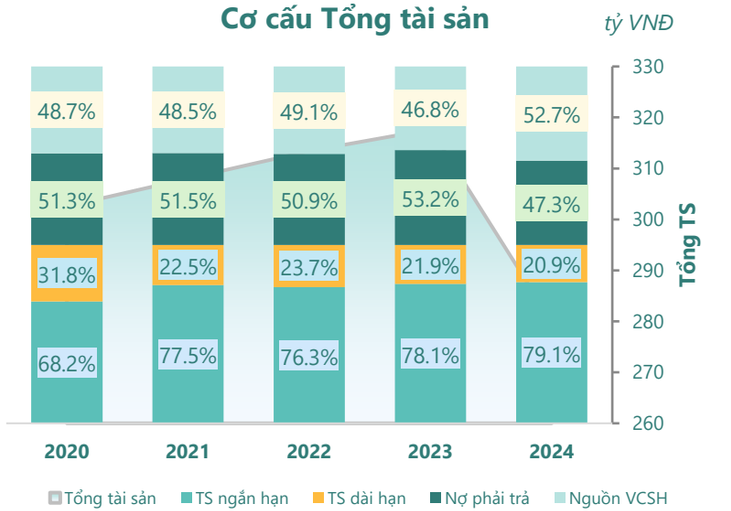
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

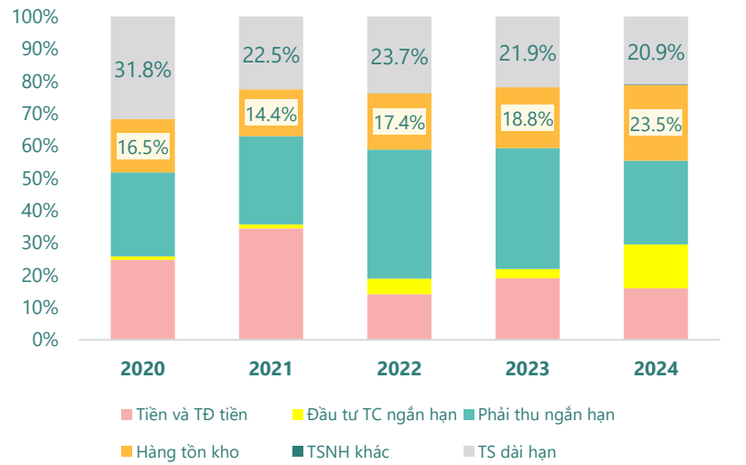
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



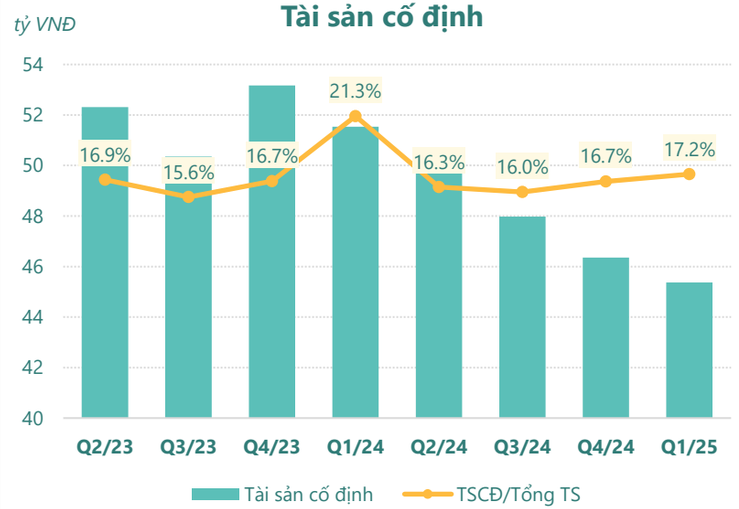
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



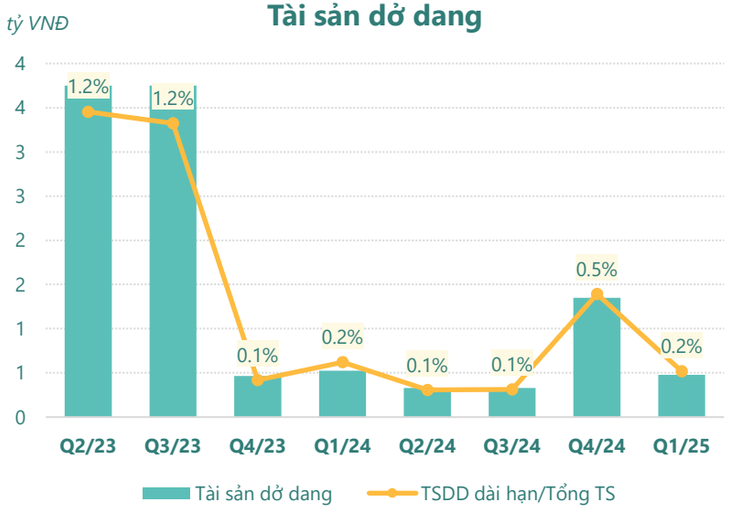
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



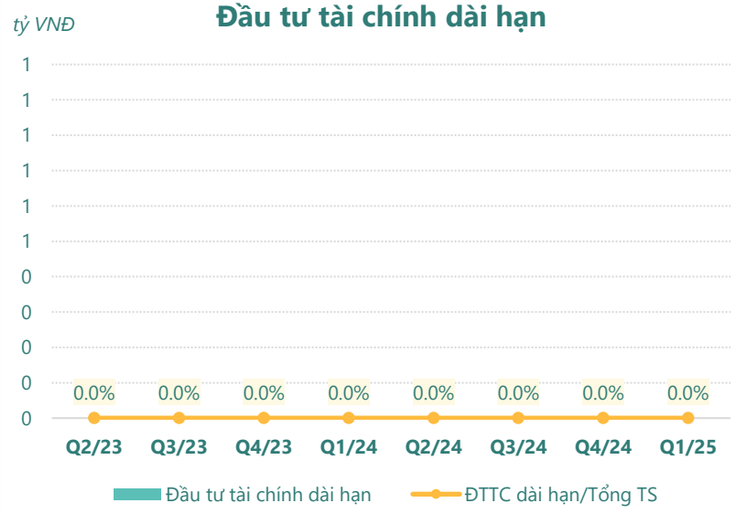
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



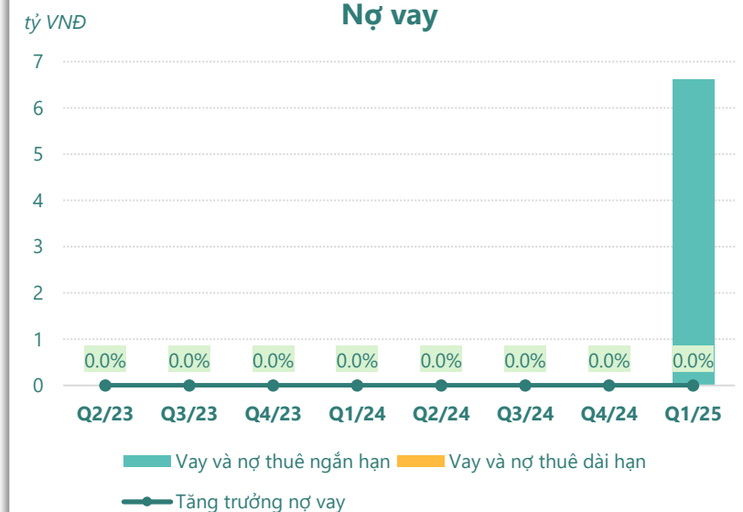
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

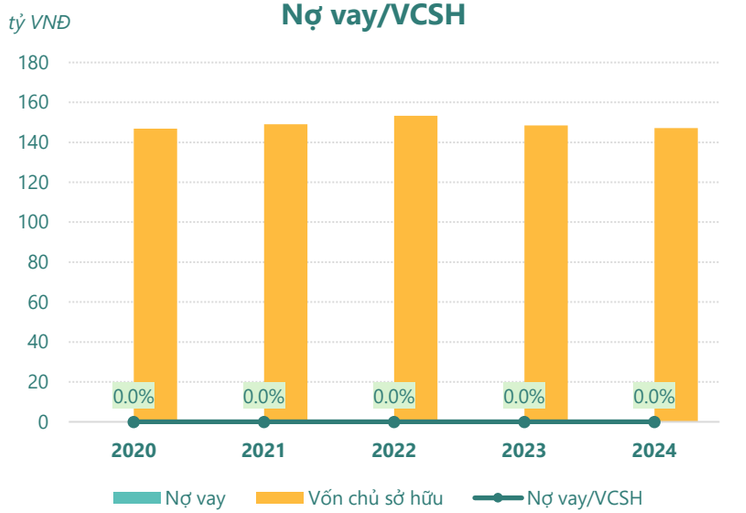
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

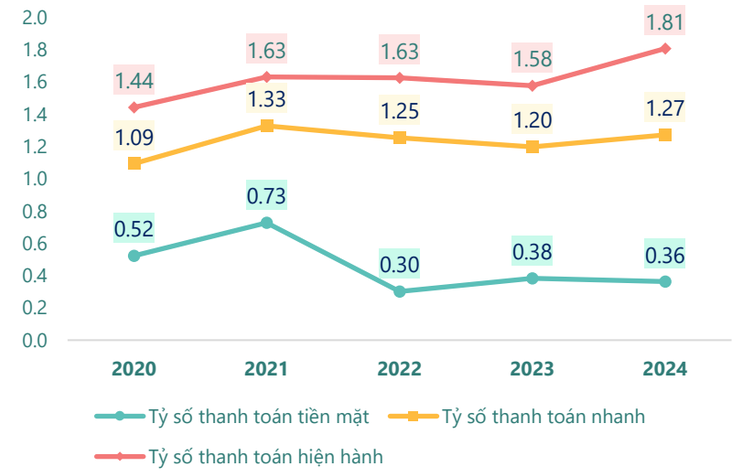
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



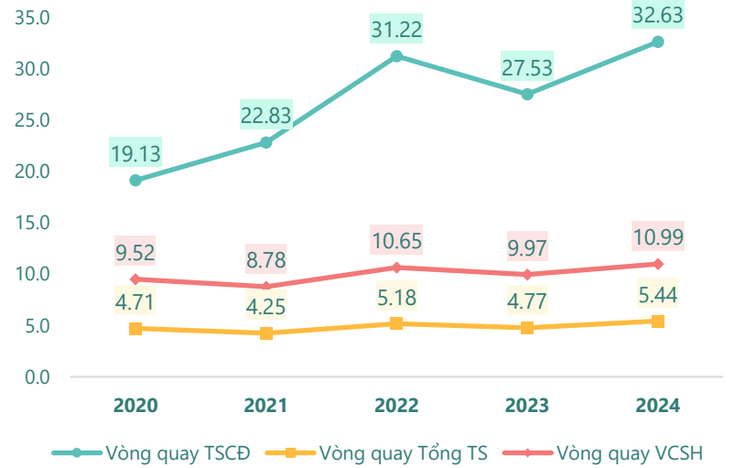
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



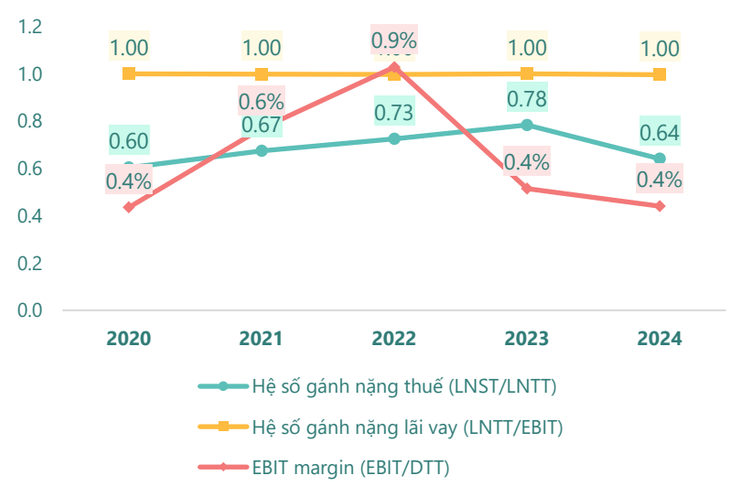
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



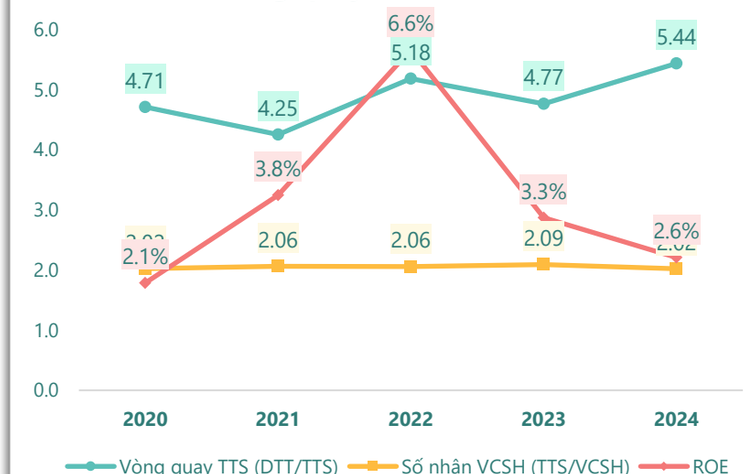
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



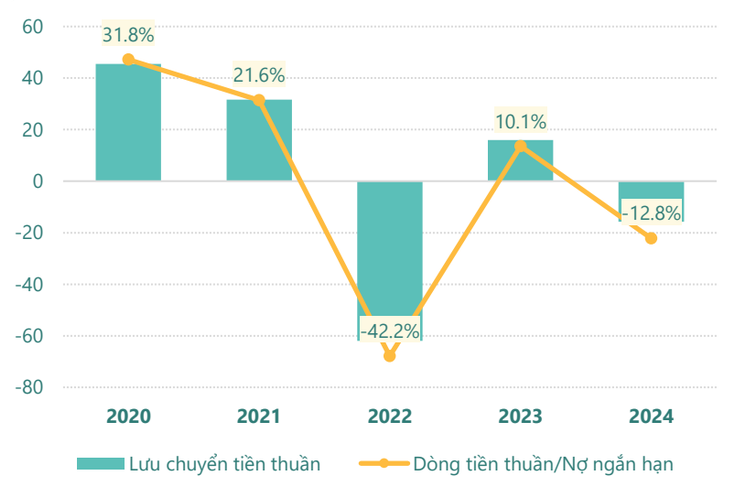
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**321**	**277**	**15.8%**	**1,625**	**1,504**	**8.0%**
Giá vốn hàng bán	305	263	16.1%	1,507	1,389	8.5%
Lợi nhuận gộp	15.4	14.6	5.6%	118	115	2.5%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.11	184%	1.91	2.48	-23.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.02	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	29.5	25.9	13.7%	135	133	2.2%
Chi phí QLDN	**8.98**	**7.79**	**15.3%**	**43.1**	**36.8**	**17.1%**
LN thuần từ HĐKD	-22.7	-19.0	-19.5%	-58.9	-51.9	-13.4%
Lợi nhuận khác	**15.8**	**11.4**	**38.2%**	**64.8**	**58.4**	**11.1%**
LN trước thuế	-6.95	-7.63	8.9%	5.94	6.45	-7.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.02**	**-7.65**	**8.3%**	**3.81**	**5.05**	**-24.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.02**	**-7.65**	**8.3%**	**3.81**	**5.05**	**-24.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.3	-23.3	44.5	13.4	-15.4	-24.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	34.0	0.73	-41.6	-25.9	35.7	15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.10	0	0	-2.48	-1.46	6.60
Tiền đầu kỳ	47.4	60.3	37.7	40.6	25.7	44.5
Lưu chuyển tiền thuần	**12.8**	**-22.6**	**2.93**	**-14.9**	**18.8**	**-3.23**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	60.3	37.7	40.6	25.7	44.5	41.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**263**	**280**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	207	222	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	41.3	44.5	-7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.1	38.1	-39.4%
Phải thu ngắn hạn	82.7	72.5	14.1%
Hàng tồn kho	58.6	65.7	-10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.85	0.72	17.7%
Tài sản dài hạn	**56.6**	**58.5**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	45.4	46.4	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	1.35	-64.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.8**	**10.8**	**-0.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	123	132	-7.4%
Nợ ngắn hạn	**113**	**123**	**-8.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.60	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.2	6.58	465%
Nợ dài hạn	9.86	9.86	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**141**	**148**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**147**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.39**	**0.39**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)